



VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT
INSITUTE OF TRANSPORT SCIENCE AND TECHNOLOGY

PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM Đ- ỜNG BỘ 1
ROAD LABORATORY 1



ISO 9001:2008

Địa chỉ: 1252-Đ- ờng Láng-Đống Đa-Hà Nội
ĐT/Fax: (04) 37.663.488, Fax: (04) 37.668.539

ISO17025:2005

Email: roadlab1@itst.gov.vn

PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM Đ- ỜNG BỘ 1



HA NOI-2013



GIỚI THIỆU NĂNG LỰC PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM Đ- ỜNG BỘ 1

- Tên đơn vị : **Phòng Thí nghiệm trọng điểm đ- ờng bộ 1**
- Tên giao dịch quốc tế : **Road Laboratory 1**
- Tên giao dịch viết tắt : **Roadlab.1**
- Trụ sở chính : **Số 1252-Đ- ờng Láng-Quận Đống Đa-Hà Nội**
- Điện thoại : **(04) 37.663.488, Fax: (04) 37.668.539**
- Cơ quan chủ quản : **Bộ Giao thông vận tải**
- Cơ quan cấp trên trực tiếp : **Viện Khoa học và Công nghệ GTVT**
- Quyết định thành lập : **Số 986/QĐ-BGTVT ngày 08/04/2002**
- Cơ quan quyết định thành lập : **Bộ Giao thông vận tải**
- Giấy đăng ký hoạt động KH&CN: **Số A-014 ngày 01/8/2007**
- Cơ quan cấp giấy đăng ký hoạt động KH&CN: **Bộ Khoa học và Công nghệ**

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Phòng thí nghiệm trọng điểm đ- ờng bộ 1, trực thuộc Viện khoa học và Công nghệ GTVT, đ- ợc thành lập theo quyết định của Bộ tr- ởng Bộ Giao thông Vận tải số 986/2002/QĐ-BGTVT ký ngày 08/04/2002. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng thí nghiệm trọng điểm đ- ờng bộ 1 với nội dung theo quyết định của Bộ tr- ởng Bộ Giao thông vận tải số 968/2002/QĐ-BGTVT ký ngày 04/04/2002.



1. Chức năng:

- a) Trực tiếp thực hiện hoặc giám định các kết quả phân tích, thí nghiệm, kiểm nghiệm có liên quan đến việc đánh giá chất lượng các công trình xây dựng đường bộ.
- b) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc lĩnh vực xây dựng đường bộ.
- c) Tham gia đào tạo cán bộ KH&CN thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc lĩnh vực hoạt động của Phòng thí nghiệm.

2. Nhiệm vụ:

- a) Thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, theo dõi đánh giá các vật liệu, kết cấu công trình ứng dụng trong xây dựng đường bộ.
- b) Nghiên cứu khoa học và nghiên cứu triển khai công nghệ mới trong lĩnh vực vật liệu và cấu kiện xây dựng đường bộ.
- c) Tham gia xây dựng hệ thống tiêu chuẩn trong lĩnh vực xây dựng công trình đường bộ.
- d) Các nhiệm vụ được ưu tiên thực hiện theo thứ tự sau: Bộ Giao thông vận tải trực tiếp giao, Viện KHCN GTVT giao, hợp đồng với các đơn vị khác.

3. Quyền hạn:

- a) Được Bộ Giao thông vận tải - ưu tiên giao các nhiệm vụ trọng điểm liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng thí nghiệm.
- b) Được ký kết các hợp đồng thí nghiệm, kiểm tra đánh giá chất lượng vật liệu, kết cấu trong xây dựng đường bộ, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đào tạo cán bộ KH&CN, dịch vụ KH&CN, các hợp đồng kinh tế với các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước về các lĩnh vực có liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng thí nghiệm.
- c) Tham gia tuyển chọn để được chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của Nhà nước, của Bộ Giao thông vận tải.
- d) Được hợp tác KH&CN với các tổ chức quốc tế, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Phòng thí nghiệm và quy định hiện hành của Pháp luật.



CƠ CẤU TỔ CHỨC

Ban Giám đốc:

1. Q. Giám đốc: ThS. Lâm Hữu Quang
2. Phó Giám đốc:
 - ThS. Trần Trung Dũng

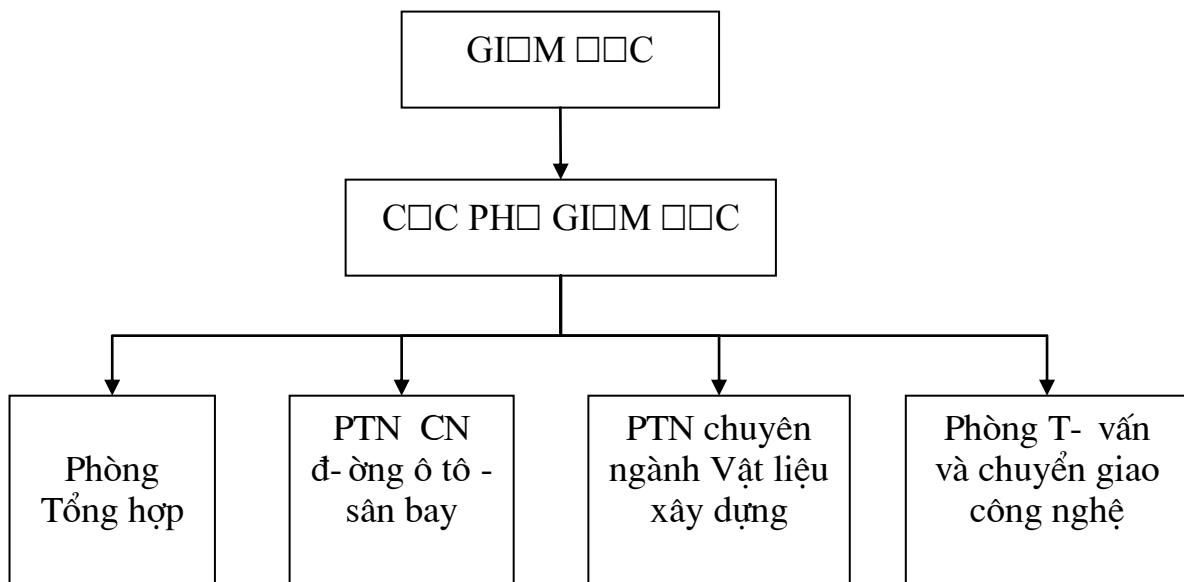
Các Phòng thí nghiệm trực thuộc:

1. Phòng thí nghiệm VILAS164
2. Phòng thí nghiệm LAS-XD105

Các bộ phận:

1. Phòng Tổng hợp.
2. Phòng thí nghiệm chuyên ngành đ-ờng ô tô-sân bay.
3. Phòng thí nghiệm chuyên ngành Vật liệu xây dựng.
4. Phòng T- vấn và chuyển giao công nghệ

Sơ đồ tổ chức hoạt động của Phòng Thí nghiệm trọng điểm đ-ờng bộ 1 đ-ợc chi tiết ở hình 1.



Hình 1. Sơ đồ tổ chức hoạt động Phòng thí nghiệm trọng điểm đ-ờng bộ I



NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN-KỸ THUẬT CỦA PHÒNG

Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ 1 là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực thí nghiệm, kiểm định, nghiên cứu, chuyên gia, khảo sát đánh giá chất lượng vật liệu và công trình giao thông vận tải với đội ngũ cán bộ nhiều kinh nghiệm.

Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ 1 quản lý chất lượng theo ISO9001-2000 và ISO17025-2005.

Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ 1 có:

- 49 chỉ tiêu thí nghiệm được công nhận theo chương trình công nhận VILAS của Văn phòng Công nhận chất lượng-Bộ Khoa học & Công nghệ với phòng thí nghiệm có mã hiệu VILAS164.
- 171 chỉ tiêu thí nghiệm được công nhận của phòng thí nghiệm hợp chuẩn LAS-XD105 của Bộ Xây dựng.

Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ 1 gồm có 31 người, trong đó có:

- 08 Thạc sĩ.

1. Công tác nghiên cứu khoa học:

a) Nghiên cứu phát triển các loại vật liệu thuộc các lĩnh vực:

- Bê tông nhựa, nhựa đặc, nhựa lỏng và nhựa t-ong.
- Vật liệu gia cố hữu cơ và vô cơ.
- Cấp phối đá dăm và đá dăm.
- Đất xây dựng và địa kỹ thuật.
- Vật liệu kim loại.
- Bê tông xi măng và vữa xi măng.
- Phụ kiện (neo, cọc, tà vẹt, cáp), ...

b) Nghiên cứu phát triển các thử nghiệm hiện trạng về mặt đường, kết cấu nền-mặt đường, địa kỹ thuật và kết cấu công trình.

c) Nghiên cứu xây dựng các quy trình và biên soạn các tiêu chuẩn thử nghiệm.

d) Một số công trình nghiên cứu khoa học trong thời gian qua: Đã và đang tham gia chính các đề tài cấp Nhà nước, chủ trì các đề tài cấp Bộ GTVT, có thể kể đến là:



- Đề tài cấp Nhà Nước “Công nghệ hiện đại trong xây dựng, kiểm tra, đánh giá chất lượng đường ô tô cấp cao và đường sân bay” KH-CN 10-05 do Viện Khoa học và Công nghệ GTVT là cơ quan chủ trì.
- Đề tài cấp Nhà Nước “Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc thống nhất hoá tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm ngành GTVT phù hợp với thông lệ quốc tế” KH-CN 10-11 do Vụ Khoa học Công nghệ GTVT là cơ quan chủ trì.
- Đề tài trọng điểm cấp Bộ GTVT “Nghiên cứu ứng dụng bê tông tự đầm và bê tông cường độ cao > M80 trong ngành GTVT”.
- Đề tài cấp Bộ GTVT “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng độ bằng phẳng mặt đường thông qua chỉ tiêu độ gồ ghề quốc tế IRI”.
- Đề tài cấp Bộ GTVT “Quy trình thí nghiệm xác định độ mài mòn Los Angeles của đá dăm”.
- Đề tài cấp Bộ GTVT “Tiêu chuẩn thí nghiệm xác định chỉ tiêu CBR của đất, đá dăm”.
- Đề tài cấp Bộ GTVT “Tiêu chuẩn vật liệu nhựa đường Polimer-yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm”.
- Đề tài cấp Bộ GTVT “Vật liệu nhũ tương nhựa đ- ờng gốc a xít-Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm”.
- Đề tài cấp Bộ GTVT “Quy trình công nghệ thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông nhựa sử dụng nhựa Polimer” phục vụ cho đường sân bay và đ- ờng xe nặng.
- Đề tài cấp Bộ GTVT “Quy trình công nghệ thi công và nghiệm thu lớp phủ mỏng bê tông nhựa có độ nhám cao.”
- Đề tài cấp Bộ GTVT “Nghiên cứu ứng dụng vật liệu bê tông nhựa loại Stone Mastic Asphalt-SMA làm lớp phủ mặt đường”.

2. Công tác thí nghiệm, kiểm định:

- Phòng Thí nghiệm trọng điểm đ- ờng bộ I đã và đang thực hiện nhiều hợp đồng kiểm định phục vụ cho Hội đồng nghiệm thu cấp Nhà nước, cấp Bộ GTVT, các hợp đồng kiểm định với các Ban Quản lý dự án, với t- vấn trong nước và nước ngoài. Trong đó có những công trình quan trọng nh- :

- Phục tra chất lượng xây dựng công trình đ- ờng QL1A, đoạn Hà Nội-Lạng Sơn, đoạn Phủ Lý-Vinh, đoạn Vinh-Đông Hà, đoạn Quảng Ngãi-Nha Trang, đoạn R100, đoạn R200, đoạn R300, đoạn TP. Hồ Chí Minh-Cần Thơ.



- Kiểm định chất lượng xây dựng công trình QL1A, đoạn tránh Thành phố Thanh Hoá.
- Phục tra chất lượng xây dựng công trình đường cao tốc Pháp Vân-Cầu Giẽ.
- Kiểm định chất lượng xây dựng công trình đường cao tốc đoạn Cầu Giẽ-Ninh Bình (gói 3, 4 và 5).
- Phục tra chất lượng thi công đường QL5, đoạn Km0-Km47, đoạn Km62-Km91 và đoạn Km91-Km106.
- Phục tra chất lượng thi công Đường Hồ Chí Minh, đoạn Khe Cò-Hương Khê, đoạn Đắc Pét-Ngọc Hồi, đoạn Xuân Mai-Mục Sơn, đoạn Hoà Lạc-Xuân Mai.
- Kiểm định chất lượng thi công đường QL6, đoạn Hoà Bình-Sơn La.
- Kiểm định chất lượng xây dựng công trình đường QL3, đoạn tuyến tránh Thành phố Thái Nguyên.
- Thí nghiệm kiểm tra chất lượng đối chứng các công trình cải tạo nâng cấp hành lang giao thông khu Phố Cổ, khu Phố Pháp, hành lang giao thông Tây Sơn (đoạn kéo dài).
- Kiểm tra chất lượng thi công phục vụ công tác nghiệm thu bàn giao QL37, đoạn Gia Phù-Cò Nòi, QL32A, QL32C,...
- Khảo sát đường phục vụ cho các dự án nâng cấp cải tạo đường: Khảo sát lưu lượng và các đặc điểm của dòng xe bằng hệ thống cân động WIM; khảo sát độ bằng phẳng mặt đường theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI bằng thiết bị Two-Laser Profiler, Profiler Beam, Bump Intergator; khảo sát cường độ kết cấu nền mặt đường bằng cân đo vồng benkelman, thiết bị đo độ vồng động FWD;... nhiều hợp đồng trên nhiều quốc lộ trên phạm vi cả nước.

Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ 1 đã thực hiện nhiều thí nghiệm về gối cầu, khe co giãn, cáp, thép, vật liệu đất, đá, cát, xi măng, bê tông xi măng,... cho rất nhiều công trình nh- : các công trình thuộc Khu liên hợp thể thao Quốc Gia, cầu Cần Thơ, cầu Bãi Cháy, cầu Thanh Trì, cầu v-ợt Ngã T- Vọng, cầu v-ợt Ngã T- Sở, cầu v-ợt Mai Dịch, cầu Tạ Khoa, nhiều cầu thuộc QL6, QL32, QL18, QL5, dự án Đường Hồ Chí Minh, ...



3. Công tác t- vấn công nghệ mới và hợp tác:

Viết chỉ dẫn kỹ thuật, t- vấn thiết kế, t- vấn giám sát, t- vấn kiểm định lớp phủ bê tông nhựa có độ nhám cao trên đoạn đ-ờng Bắc Thăng Long-Nội Bài, QL1A đoạn Pháp Vân-Cầu Giẽ,...

Phòng thí nghiệm trọng điểm đ-ờng bộ 1 có quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức trong n-ớc nh- : Tr-ờng Đại học Xây dựng, Tr-ờng Đại học Giao thông vận tải, Các ban quản lý dự án, Công ty TNHH Shell Việt Nam,...các công ty và tổ chức quốc tế nh- : SMEC, Scott WinSon, Hyder, Intech, Sakai...

TRỤ SỞ LÀM VIỆC

Trụ sở Phòng thí nghiệm trọng điểm đ-ờng bộ 1: Số 1252-Đ-ờng Láng-Đống Đa-Hà Nội, điện thoại liên hệ:

TT	Tên bộ phận	Điện thoại/Fax
1	Ban Giám đốc	04.37 663 488
2	Phòng Tổng hợp	04.37 663 488
3	Các phòng thí nghiệm	04.37 662 496 04.37 663 523 04.37 663 433

Tổng diện tích trụ sở làm việc và phòng thí nghiệm: 530m², trong đó:

- Khối văn phòng: 60 m².
- Phòng làm việc: 150 m².
- Phòng thí nghiệm: 320 m².

Các phòng làm việc đều đ-ợc bố trí quạt, điện, đèn, máy điều hoà không khí đầy đủ.

Các phòng thí nghiệm đ-ợc trang bị đầy đủ thiết bị hút độc, khử mùi, máy điều hoà đảm bảo môi tr-ờng thí nghiệm theo đúng yêu cầu của các phép thử.



NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN CÁN BỘ LÃNH ĐẠO

1.1. Ban Lãnh đạo đơn vị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Email
1	Lâm Hữu Quang	Q. Giám đốc	lhqlinh@yahoo.com
2	Trần Trung Dũng	Phó Giám đốc	
3	Nguyễn Thị Thùy D-ong	Phụ trách tài chính	

NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN CÁN BỘ CỦA PHÒNG

1. PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN:

TT	Danh mục	Đơn vị	Số l- ợng	Kinh nghiệm (năm)	Ghi chú
1	Trình độ trên đại học	Ng- ời	08	06-30	
2	Trình độ đại học	Ng- ời	07	03-35	
3	Trình độ trung cấp/ Thí nghiệm viên	Ng- ời	16	02-35	

2. PHÂN THEO NGHỀ NGHIỆP:

TT	Danh mục	Đơn vị	Số l- ợng	Kinh nghiệm (năm)	Ghi chú
1	Thạc sỹ, kỹ s- ầu đ- ờng	Ng- ời	15	03-35	
2	Kỹ s- vật liệu xây dựng	Ng- ời	01	06	
3	Kỹ s- cơ khí	Ng- ời	01	22	
4	Kỹ s- kinh tế xây dựng/Cử nhân kinh tế	Ng- ời	03	03-10	
5	Thí nghiệm viên	Ng- ời	13	02-35	



SỐ LIỆU VỀ TÀI CHÍNH

Tóm tắt báo cáo tài chính trong 3 năm (2008, 2009, 2010).

STT	Chỉ tiêu	2008	2009	2010
1	Doanh thu	5.077.978.678	6.073.826.859	9.802.208.440
2	Lợi nhuận	366.715.182	248.071.873	287.038.564
3	Tài sản cố định hữu hình	12.700.958.706	12.920.690.206	13.059.748.388
4	Tài sản l- u động	3.217.456.159	4.066.910.483	4.233.607.832
5	Nợ phải trả	114.966.002	414.960.570	126.360.123
	Nợ ngắn hạn	114.966.002	314.960.570	26.360.000
	Nợ dài hạn	0	0	0
6	Nguồn vốn chủ sở hữu	2.592.613.992	5.090.857.932	4.896.139.036
7	Nguồn vốn kinh doanh	15.918.441.865	16.987.006.689	17.293.356.220
8	Các khoản phải thu	371.995.179	228.741.872	0



NĂNG LỰC TRANG THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM-PHƯƠNG TIỆN CHỦ YẾU

TT	Danh mục	Đơn vị	Số lượng	Nguồn sản xuất	Chất lượng
A	Các thiết bị thí nghiệm chủ yếu				
1	Máy trộn hỗn hợp bê tông nhựa (HOBART)	Chiếc	01	Mỹ	Tốt
2	Máy đúc mẫu bê tông nhựa Marshall (ELE)	Chiếc	01	Anh	Tốt
3	Máy thí nghiệm Marshall (ELE)	Chiếc	01	Anh	Tốt
4	Máy khoan mẫu bê tông nhựa (ELE)	Chiếc	01	Anh	Tốt
5	Máy quay li tâm Rotatest (ELE)	Chiếc	01	Anh	Tốt
6	Bộ thiết bị ổn nhiệt mẫu bê tông nhựa (ELE)	Chiếc	01	Anh	Tốt
7	Máy thí nghiệm xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp đốt (ELE)	Chiếc	01	Anh	Tốt
8	Hệ thống thử nghiệm bê tông Asphalt theo phương pháp Superpave (Gồm máy đầm xoay tạo mẫu bê tông nhựa và máy nén thủy lực HY25 dùng để thí nghiệm bê tông nhựa)	Chiếc	01	Anh	Tốt
9	Máy hút chân không (OMEGA - FPUV91)	Chiếc	01	Mỹ	Tốt
10	Máy thí nghiệm độ kim lún thủ công (ELE)	Chiếc	01	Anh	Tốt
11	Máy thí nghiệm độ kim lún bán tự động (KOEHLER)	Chiếc	01	Mỹ	Tốt
12	Máy thí nghiệm độ kéo dài (ELE)	Chiếc	01	Anh	Tốt
13	Thiết bị xác định nhiệt độ hoá mềm (ELE)	Chiếc	01	Anh	Tốt
14	Thiết bị thí nghiệm xác định dụng cụ bắt lửa (ELE)	Chiếc	01	Anh	Tốt
15	Thiết bị thí nghiệm lượng tổn thất khi nung nóng (ELE)	Chiếc	01	Anh	Tốt



TT	Danh mục	Đơn vị	Số l- ợng	N- ớc sản xuất	Chất l- ợng
16	Bộ thiết bị ổn nhiệt mẫu nhựa (KOEHLER)	Chiếc	01	Anh	Tốt
17	Thiết bị xác định hàm l- ợng Parafin (PETROTEST)	Chiếc	01	Đức	Tốt
18	Bộ thiết bị đo độ nhớt Saybolt (KOEHLER)	Chiếc	01	Mỹ	Tốt
19	Bộ thiết bị đo độ nhớt tĩnh (CONTROL)	Chiếc	01	Italia	Tốt
20	Thiết bị đo nhám kiểu con lăn Anh	Chiếc	01	Anh	Tốt
21	Thiết bị Two Laser Profiler đo độ bằng phẳng của mặt đ- ờng	Chiếc	01	Anh	Tốt
22	Thiết bị đo sức kháng tr- ợt của mặt đ- ờng SFT-T10	Chiếc	01	Đan Mạch	Tốt
23	Thiết bị đo c- ờng độ mặt đ- ờng bằng ph- ơng pháp động FWD	Chiếc	01	Thụy Điển	Tốt
24	Dụng cụ XD độ nén đập xi lanh	Chiếc	01	Việt Nam	Tốt
25	Thiết bị Vica tự động	Chiếc	01	Anh	Tốt
26	Dụng cụ đo ổn định thể tích Lesatelie	Chiếc	01	Anh	Tốt
27	Dụng cụ đo độ sụt của bê tông	Chiếc	01	Anh	Tốt
28	Dụng cụ đo độ dẻo của vữa	Chiếc	01	Nga	Tốt
29	Dụng cụ xác định tỷ trọng xi măng	Chiếc	01	TQuốc	Tốt
30	Dụng cụ xác định tỷ trọng của cát	Chiếc	01	TQuốc	Tốt
31	Dụng cụ xác định tỷ trọng của đá	Chiếc	01	TQuốc	Tốt
32	Máy thử độ bền VL ELE	Chiếc	01	Anh	Tốt
33	Máy kéo vụn năng Shimizu	Chiếc	01	Nhật	Tốt
34	Máy thử độ bền VL	Chiếc	01	Đức	Tốt
35	Máy kéo vụn năng	Chiếc	01	Nga	Tốt
36	Máy thử độ bền vật liệu	Chiếc	01	Nhật	Tốt
37	Máy thử độ cứng kim loại	Chiếc	01	Đức	Tốt
38	Hệ thống thử mọi vật liệu MTS	Chiếc	01	Mỹ	Tốt
39	Máy thí nghiệm CBR trong phòng (CONTROL T105)	Chiếc	01	Italia	Tốt



ISO9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC

ISO17025:2005

TT	Danh mục	Đơn vị	Số lượng	Nguồn sản xuất	Chất lượng
40	Bộ sàng của Nhật (16 cái)	Chiếc	01	Nhật	Tốt
41	Bộ sàng của Anh (12 cái)	Chiếc	01	Anh	Tốt
42	Phễu rót cát Việt nam	Chiếc	01	Việt Nam	Tốt
43	Phễu rót cát Nhật	Chiếc	01	Nhật	Tốt
44	Cần đo vồng Benkelman.	Chiếc	01	Việt Nam	Tốt
45	Chùy xuyên động (DCP)	Chiếc	01	Việt Nam	Tốt
46	Thiết bị cắt phẳng ELE	Chiếc	01	Anh	Tốt
47	Máy nén cố kết ELE	Chiếc	01	Anh	Tốt
48	Thiết bị TN nén một trục nở hông	Chiếc	01	Pháp	Tốt
49	Máy CBR COMAT	Chiếc	01	Việt Nam	Tốt
50	Máy xác định độ mài mòn DEVAL	Chiếc	01	TQuốc	Tốt
51	Máy thí nghiệm thấm ELE	Chiếc	01	Anh	Tốt
52	Máy nén bê tông ADR 2000	Chiếc	01	Anh	Tốt
53	Máy CBR quay tay hiện trường ELE	Chiếc	01	Anh	Tốt
54	Cân điện tử các loại	Chiếc	11	Nhật, Anh, TQ	Tốt
55	Tủ sấy các loại	Chiếc	08	TQ, Anh, Nga	Tốt
B	Thiết bị phục vụ công việc				Tốt
1	Máy vi tính (để bàn, xách tay)	Bộ	30	Nhật, VN	Tốt
2	Máy Scanner	Chiếc	01	Nhật	Tốt
3	Máy in	Chiếc	10	Nhật	Tốt
4	Máy chiếu	Chiếc	01	Nhật	Tốt
5	Camera kỹ thuật số	Chiếc	02	Nhật	Tốt
6	Máy quay phim	Chiếc	01	Nhật	Tốt
7	Ô tô Pickup	Chiếc	01	Nhật	Tốt
8	Xe con	Chiếc	01	Nhật	Tốt



**DANH MỤC MỘT SỐ CÔNG TRÌNH
ĐÃ THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN QUA**

TT	Tên dự án, địa điểm xây dựng, Chủ đầu tư	Nội dung công việc	Giá trị thực hiện (triệu đồng)
1	QL1A, đoạn Hà Nội-Lạng Sơn, đoạn Phủ Lý-Vinh, đoạn Vinh-Đông Hà, đoạn Quảng Ngãi-Nha Trang, đoạn R100, đoạn R200, đoạn R300, đoạn TP. Hồ Chí Minh-Cần Thơ. -ĐD: Từ Lạng Sơn-Cần Thơ -CĐT: PMU1 (Hội đồng nghiệm thu Nhà nước QL1) -Quy mô: Đường cấp III-ĐB	Thí nghiệm kiểm định phúc tra	4.200
2	QL5, đoạn Km0-Km47, đoạn Km62-Km91 và đoạn Km91-Km106 -ĐD: Từ Hà Nội-Hải Phòng -CĐT: PMU5 (Hội đồng nghiệm thu Nhà nước QL5) -Quy mô: Đường cấp II-ĐB	Thí nghiệm kiểm định phúc tra	1.300
3	Đường Hồ Chí Minh, đoạn Khe Cò-Hương Khê, đoạn Đắc Pét-Ngọc Hồi, đoạn Xuân Mai-Mục Sơn -ĐD: Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Kon Tum. -CĐT: PMU. Hồ Chí Minh -Quy mô: Đường cấp III	Thí nghiệm kiểm định phúc tra	1.200
4	QL6, đoạn Hoà Bình-Sơn La (Km134-Km199) -ĐD: Hoà Bình-Sơn La. -CĐT: PMU. 1 -Quy mô: Đường cấp III	Thí nghiệm kiểm định	450
5	Dự án cải tạo nâng cấp hành lang giao thông khu Phố Cổ, khu Phố Pháp, hành lang giao thông tây Sơn (đoạn kéo dài).	Thí nghiệm kiểm định phúc tra	480



ISO9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC

ISO17025:2005

TT	Tên dự án, địa điểm xây dựng, Chủ đầu t-	Nội dung công việc	Giá trị thực hiện (triệu đồng)
	-ĐĐ: Hà Nội -CĐT: PMU. Hà Nội -Quy mô: Đ- òng phố		
6	QL37, đoạn Gia Phù-Cò Nòi -ĐĐ: Sơn La -CĐT: PMU. II -Quy mô: Đ- òng cấp IV	Thí nghiệm kiểm định phức tra	400
7	QL32A, đoạn Trung Hà-Cổ Tiết -ĐĐ: Phú Thọ -CĐT: Sở GTVT Phú Thọ -Quy mô: Đ- òng cấp III	Thí nghiệm kiểm định phức tra	250
8	QL32C, một số gói thầu -ĐĐ: Phú Thọ -CĐT: Sở GTVT Phú Thọ -Quy mô: Đ- òng cấp IV-III	Thí nghiệm kiểm định	310
9	Bắc Thăng Long-Nội Bài. -ĐĐ: Hà Nội -Quy mô: Đ- òng cấp II	T- vấn, kiểm định, chuyển giao công nghệ lớp phủ tạo nhám	80
10	Pháp Vân-Cầu Giẽ. -ĐĐ: Hà Nội -Quy mô: Đ- òng cao tốc	Thí nghiệm kiểm định phức tra	380
11	Cầu Giẽ-Ninh Bình. -ĐĐ: Hà Nam, Nam Định -Quy mô: Đ- òng cao tốc	Thí nghiệm kiểm định	Đang thực hiện
12	QL3, tuyến tránh Tp. Thái Nguyên	Thí nghiệm	Đang thực hiện



TT	Tên dự án, địa điểm xây dựng, Chủ đầu t-	Nội dung công việc	Giá trị thực hiện (triệu đồng)
	-ĐĐ: Thái Nguyên -Quy mô: Đ- ờng cấp III	kiểm định	
13	QL1, tuyến tránh Tp. Thanh Hoá	Thí nghiệm kiểm định	Đang thực hiện
14	VTV -ĐĐ: Hà Nội -Vinci — Sumitomo Mitsui Joint Venture	Thí nghiệm kiểm định	Đang thực hiện
15	Cầu Thanh Trì -ĐĐ: Hà Nội -Obayashi	Thí nghiệm kiểm định	Đang thực hiện
16	Cầu Ngã T- Sở -ĐĐ: Hà Nội -Sumitomo Mitsui — Vinaconex Joint Venture	Thí nghiệm kiểm định	400
17	Intech TRL Dự án Giao thông nông thôn	Thí nghiệm kiểm tra vật liệu	450
18	Cầu Nhật Tân Gói 3 - TOKYU	Thí nghiệm kiểm tra vật liệu	6000



ISO9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC

ISO17025:2005

TT	Tên dự án, địa điểm xây dựng, Chủ đầu tư	Nội dung công việc	Giá trị thực hiện (triệu đồng)
19	Cầu Nhật Tân Gói 1 - SUMITOMO	Thí nghiệm kiểm tra vật liệu	2000
20	QL 7 đoạn Tây Đô L-ơng — Khe Thơi -CĐT: BQLDA ĐB IV	Thí nghiệm kiểm định	900
21	QL 7 đoạn Khe Thơi — Nậm Cấn -CĐT: PMU. 85	Thí nghiệm kiểm định	1800